

Bản án số: 87/2024/DS-ST  
Ngày: 25.7.2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung và ông Huỳnh Văn Tý.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang*

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 93/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Hữu H**, sinh năm 1955 Địa chỉ: **Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phùng Thanh H1**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang**. (Theo Giấy ủy quyền ngày 04/4/2024) (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1971 (vắng mặt) và bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Tổ I, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2008, ông **Trần Văn M** và vợ là **Nguyễn Thị H2** có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông **Bùi Hữu H** để mua phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ cây lúa, hình thức mua bán là bên bán giao hàng theo yêu cầu của bên mua, cuối vụ thanh toán. Sau thời gian mua bán đến ngày 06/5/2011 hai bên chốt sổ thì ông **M** bà **H2** còn nợ ông **H** số tiền 54.839.000 đồng, hứa mỗi vụ thanh toán 5.000.000 đồng nhưng ông **M** bà **H2** không thực hiện như cam kết mặc dù ông **H** nhiều lần nhắc nhở. Đến nay đã lâu ông **H** cũng nhiều lần tạo cơ hội cho ông **M** bà **H2** thanh toán nhưng ông bà vẫn không thanh toán như cam kết nên ông **Bùi Hữu H** khởi kiện yêu cầu ông **Trần Văn M**, bà **Nguyễn Thị H2** thanh toán số tiền nợ là 54.839.000 đồng và tiền lãi theo quy định từ ngày 06/5/2011 đến khi xét xử.

Bị đơn là ông **Trần Văn M**, bà **Nguyễn Thị H2** đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

*Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 54.839.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông **Bùi Hữu H** khởi kiện ông **Trần Văn M**, bà **Nguyễn Thị H2** yêu cầu thanh toán tiền nợ mua vật tư nông nghiệp, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp dân sự liên quan đến giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện.

Căn cứ Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của **Công an xã M, huyện T, tỉnh An Giang** xác định ông **Trần Văn M** và vợ là bà **Nguyễn Thị H2** thường trú tại **tổ I, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang**. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông **Trần Văn M**, bà **Nguyễn Thị H2** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Nội dung tranh chấp:

Căn cứ giấy xác nhận nợ đề ngày 06/5/2011 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông **Trần Văn M**, bà **Nguyễn Thị H2** nợ ông **Bùi Hữu H** số tiền 54.839.000 đồng, cam kết mỗi vụ trả 5.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết của ông **Trần Văn M**, bà **Nguyễn Thị H2** là bên nhận nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai bên thương lượng nhưng bị đơn là ông **M** bà **H2** đều vắng mặt không lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định ông **M** bà **H2** có nợ ông **Bùi Hữu H** số tiền mua vật tư nông nghiệp là 54.839.000 đồng, ông **H** khởi kiện yêu cầu ông **M** bà **H2** trả số tiền nợ 54.839.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 357, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 227, 228, 271, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

#### **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông **Bùi Hữu H**. Buộc bị đơn là ông **Trần Văn M** và bà **Nguyễn Thị H2** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Bùi Hữu H** số tiền nợ là 54.839.000 (*Năm mươi bốn triệu tám trăm ba mươi chín nghìn*) đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi.

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Án phí sơ thẩm: Ông **Trần Văn M**, bà **Nguyễn Thị H2** phải chịu 2.741.950 (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn chín trăm năm mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Bùi Hữu H** thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Linh**

